

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 23-04-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. Ông Đỗ Quang Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yên Khanh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Diệu Hiền – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 135/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ: 288 Gò Dầu, phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1966; (có mặt)

Địa chỉ: 67 Trần Tấn, phường Tân Sơn N, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ánh L (vắng mặt)

Địa chỉ : 288A Gò Dầu, phường Tân Q, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nhận ngày 10/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn V trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị Kim Y tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26/1991 ngày 27/03/1991 do UBND phường 16, quận Tân B (nay là phường Tân Q, quận Tân Phú), thành phố Hồ Chí Minh cấp).

Thời gian đầu chung sống diễn ra bình thường, nhưng dần về sau, giữa chúng tôi có nhiều điểm bất đồng, từ đó gây nên nhiều mâu thuẫn. Mặc dù nhiều lần tôi đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng, cùng ngồi lại với nhau để nói chuyện tìm cách hàn gắn và duy trì hạnh phúc gia đình nhưng kết quả vẫn không thay đổi. Năm 2018 bà Nguyễn Thị Kim Y ngoại tình với người đàn ông khác tại khách sạn bị em gái tôi phát hiện và quay clip tại khách sạn với người đàn ông khác (có clip kèm theo). Hiện tại, tôi và bà Y đã ly thân được hơn 05 năm, không còn sống chung nhà và không ai còn quan tâm, chăm sóc hay lo lắng đến cuộc sống của ai. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi yêu cầu Quý tòa giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Y.

Về con chung: Tôi và bà Nguyễn Thị Kim Y sống có 03 con chung Nguyễn Hoàng V (sinh ngày 25/12/1991); Nguyễn Hoài N (sinh ngày 19/01/1993) và Nguyễn Hoài T (sinh ngày 20/1/1997). Vì các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung, Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim Y trình bày tại bản tự khai và đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung:

Về quan hệ hôn nhân: Về quá trình chung sống và đăng ký kết hôn giống như lời ông Nguyễn Văn V trình bày. Tuy nhiên, Bà Nguyễn Thị Kim Y không đồng ý ly hôn với ông Nguyễn Văn V. Lý do: Vì ông V ngoại tình và đang chung sống và làm ăn tại 298 Gò Dầu với bà Lê Thị Thanh N dẫn đến ly hôn.

Về con chung: 03 con chung Nguyễn Hoàng V, sinh ngày 25/12/1991; Nguyễn Hoài N, sinh ngày 19/01/1993 và Nguyễn Hoài T, sinh ngày 20/1/1997. Vì các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Y yêu cầu ông V chia đôi tài sản chung gồm các khoản:

- 83 triệu đồng là tiền thuê bãi đất, địa chỉ: 288 Gò Dầu, P. Tân Q, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

- 408.026.000 đồng là giá trị tiền công trình trên đất vợ chồng bỏ ra đầu tư làm bãi giữ xe.

- Tiền thu nhập từ bãi giữ xe : 613.000.000 đồng.

Ngày 24/10/2023 bà rút lại một phần yêu cầu như sau: Không yêu cầu chia đôi số tiền 83.000.000 đồng là tiền thuê bãi đất, địa chỉ: 288 Gò Dầu, P. Tân Q. Q. Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh.

Đối với tiền thu nhập từ bãi giữ xe, bà yêu cầu ông V phải trả tiền hưởng lợi từ bãi giữ xe số tiền là 280.500.000 đồng.

Đối với công trình trên đất bà không có nhu cầu sử dụng nên yêu cầu ông V thối tiền lại cho bà.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của ông V về chia tài sản chung: Trong khi bà bỏ nhà đi từ giữa năm 2018 mà bà tính tháng 01/2018 là sai. Còn hàng tháng thu nhập 18.000.000 đồng cũng là sai. Chỉ 11.000.000 đồng. Từ tháng 04/2023 bà Y và bà L về cấu kết với nhau và hắt tôi ra ngoài không cho tôi kinh doanh bãi xe nữa, hai bà cho rằng là của hai bà và không chia cho tôi khoảng tiền nào hết, đó là tài sản của vợ chồng tôi gây dựng nên mà có, nay tôi ý kiến về phần chia tài sản của vợ chồng tôi hiện tại, nhà tôn và bãi giữ xe chia đôi số tài sản đó.

Tại đơn ngày 28/12/2023 Ông V xác định ông cho bà Y toàn bộ xác nhà xe (mái tôn cọc sắt và vật dụng linh tinh trong xác nhà xe nêu trên ông không lấy)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Ánh L không có liên quan và không có ý kiến, không có yêu cầu độc lập.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành hòa giải lần nhiều lần nhưng đoàn tụ không thành và Tòa án tiến hành xét xử lần 01, bà Y xin 01 tháng để đoàn tụ gia đình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử lần 02 theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn: Vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu trên yêu cầu được ly hôn. Không yêu cầu về tài sản.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Y rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung và bà Y không đồng ý ly hôn mong gia đình đoàn tụ. Bà trình bày thêm việc hai bên đều có lỗi trong hôn nhân có phản bội lẫn nhau không còn chung thủy với nhau. Nhưng hiện tại bà bỏ qua tất cả bà mong muốn gia đình đoàn tụ với nhau. Bà không đồng ý ly hôn.

Đại diện VKSND quận Tân Phú tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện VKS nhân dân quận Tân Phú nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng

quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Việt, về quan hệ hôn nhân ông V ly hôn bà Y. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Y do bà rút toàn bộ yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 26/1991 ngày 27/03/1991 do UBND phường 16, quận Tân B, thành phố Hồ Chí Minh cấp thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Y là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay ông V yêu cầu ly hôn, bà Y hiện đang cư ngụ tại quận Tân Phú nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận Tân Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Xét việc ông Nguyễn Văn V yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Y.

Căn cứ lời khai của ông V xét thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Y là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, không có sự tôn trọng lẫn nhau và thường xuyên xảy ra cãi vã.

Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành hòa giải được biết mâu thuẫn vợ chồng ông Việt, bà Y đã lâu, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, tuy nhiên địa phương không nắm rõ. Bà Kim Y và ông V đã ly thân được 05 năm không còn sống chung.

Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cho bà Kim Y và ông V nhưng ông bà vẫn không đoàn tụ vì tình cảm cả hai đã không còn, tòa án đã cho hơn 01 năm để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông V và bà Y đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Ông V yêu cầu ly hôn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Y chung sống có 03 con chung Nguyễn Hoàng V (sinh ngày 25/12/1991); Nguyễn Hoài N (sinh ngày 19/01/1993) và Nguyễn Hoài T (sinh ngày 20/1/1997). Vì các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa không xem xét.

Về quan hệ tài sản: Theo đơn phản tố và nội dung đơn ngày 24/10/2023, bà Y yêu cầu ông V chia tài sản chung gồm các khoản:

Đối với tiền thu nhập từ bãi giữ xe, bà yêu cầu ông V phải trả tiền hưởng lợi từ bãi giữ xe số tiền là 280.500.000 đồng.

Đối với công trình trên đất bà không có nhu cầu sử dụng nên yêu cầu ông V thôi tiền lại cho bà.

Tại phiên Tòa hôm nay bà Y xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung (do ông V không tranh giành xác nhà xe và hiện bà đang quản lý xác nhà xe nêu trên). Xét nên đình chỉ toàn bộ yêu cầu chia tài sản là phù hợp pháp luật.

Về bà Nguyễn Thị Ánh L không liên quan đến vụ án và bà không có yêu cầu gì nên Tòa không xem xét.

3/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn V chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án. Trả lại toàn bộ án phí cho bà Y .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Nguyễn Văn V:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Văn V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim Y.

Giấy chứng nhận kết hôn số 26/1991 ngày 27/03/1991 do UBND phường 16, quận Tân B (nay phường Tân Q, quận Tân Phú) thành phố Hồ Chí Minh cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- **Về quan hệ con chung:** Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Kim Y chung sống có 03 con chung Nguyễn Hoàng V (sinh ngày 25/12/1991); Nguyễn

Hoài N (sinh ngày 19/01/1993) và Nguyễn Hoài T (sinh ngày 20/1/1997. Vì các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Tòa không xem xét.

- **Về quan hệ tài sản:** Đình chỉ yêu cầu phần tố về việc chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Kim Y, do tại phiên tòa bà Y rút toàn yêu cầu về chia tài sản chung. Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

-**Về nợ chung:** Không yêu cầu Tòa giải quyết.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Văn V chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông V đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0035041 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí 9.537.500 đồng cho bà Y theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0036046 ngày 09 tháng 08 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh; VKSND quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường Tân Q , quận Tân Phú, Tp.HCM
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Ngọc Mỹ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Ngọc Mỹ